

Bản án số: **04/2022/HS-PT**.
Ngày 30 - 3 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Ma Hồng Thắng và bà Nguyễn Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Tuyết Hảo và bà Nguyễn Thúy Vân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 15/2021/TLPT-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo Trần Ngọc L và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Ngọc L, sinh năm 1969 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 16, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông Trần Ngọc H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ Đỗ Thị K O và có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2006/HSST ngày 18,19/01/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang xử phạt Trần Ngọc L 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”, phạt tiền 2.000.000đ. Ngày 05/9/2007 bị cáo chấp hành xong khoản tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

2. Trần Thanh S, sinh năm 1978 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 18, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 8/12; dân tộc: Kinh;

giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông Trần Thanh Q và bà Nguyễn Thị P (đã chết); có vợ Nguyễn Thị N (đã ly hôn) và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2001/HSST ngày 26/4/2001 của Tòa án nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang xử phạt Trần Thanh S 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2005/HSST ngày 31/3/2005 của Tòa án nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang xử phạt Trần Thanh S 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 102/2014/HSST ngày 23/12/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái nguyên, xử phạt Trần Thanh S 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 25/6/2016 bị cáo thi hành xong hình phạt.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

3. Cao Duy K, sinh năm 1984 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 13, phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông Cao Hoàng H và bà Khương Thị S; có vợ Phan Trường G (đã chết) và 01 con. Tiền án: Không.

Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 197/QĐ-XPVPHC ngày 24/7/2017 của Công an thành phố Tuyên Quang xử phạt Cao Duy K số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc, ngày 26/12/2018 Cao Duy K đã thi hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

4. Trần Văn N (Trần Phú N), sinh năm 1986 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 7, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông Trần Phú Đ (đã chết) và bà Vũ Thị Q; có vợ Nguyễn Thị K O và 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2005/HSST ngày 15/11/2005 của Tòa án nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang), tỉnh Tuyên Quang xử phạt Trần Văn N (Trần Phú N) 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 73/2010/HSPT ngày 19/11/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Trần Văn N (Trần Phú N) 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

5. Lê Công T, sinh năm 1972 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 9, phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông Lê Văn T và bà Lưu Thị T (đều đã chết); có vợ Nguyễn Thị T và 01 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2013/HSST ngày 28/01/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc. Ngày 18/3/2013 và ngày 04/4/2013, bị cáo chấp hành xong khoản tiền phạt và tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

6. Nguyễn Duy T, sinh năm 1984 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 5, phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Ngọc P và bà Đỗ Thị N; có vợ Đỗ Thị Hồng T và 03 con. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 78/2004/HSPT ngày 12/02/2004 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao xử phạt 30 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 26/10/2005, bị cáo chấp hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

7. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 5, phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn K và bà Mai Kim O; có vợ Nguyễn Ngọc Y (đã ly hôn), vợ hai Nông Thị Thu T và 03 con; Tiền án: không.

Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 73/QĐ-XPVPHC ngày 09/02/2018 của Công an huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Xuân T số tiền 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 23/4/2018 Nguyễn Xuân T thi hành xong.

Nhân thân: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 280/QĐ-XPVPHC ngày 14/12/2016 của Công an thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên

Quang xử phạt Nguyễn Xuân T số tiền 2.000.000 đồng về hành vi Xâm hại đến sức khỏe của người khác (bị cáo chưa nộp phạt và không có văn bản đôn đốc nộp phạt của cơ quan xử phạt).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

8. Cao Văn M, sinh năm 1981 tại tỉnh Vĩnh Phúc;

Nơi cư trú: Thôn Nội, xã Chấn Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông Cao Xuân C và bà Nguyễn Thị T; có vợ Vũ Mai T và 02 con. Tiền án: không.

Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 299/QĐ-XPVPHC ngày 11/10/2018 của Công an thành phố Tuyên Quang xử phạt Cao Văn M số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Đánh bạc, ngày 15/10/2018 Cao Văn M đã thi hành xong.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2020/HSST ngày 01/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 10 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngày 11/10/2020 bị cáo đã thi hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2019 đến ngày 25/02/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

9. Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn 8, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn M (đã chết) và bà Đỗ Thị T; có chồng Lý Văn P (đã ly hôn) và 02 con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 1067/2007/HSPT ngày 29/11/2007 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt Nguyễn Thị Thu H 12 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, tổng hợp với hình phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” của Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2006/HS-ST ngày 12/9/2006 của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, tổng hình phạt chung của 02 bản án là 21 tháng tù. Ngày 15/5/2008 bị cáo đã chấp hành xong khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

10. Nguyễn Thị N, sinh năm 1981 tại tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Tổ 10, phường An Tường, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đảng, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Thế H và bà Hoàng Thị B; có chồng Nguyễn Quý N (đã chết) và 02 con. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2015/HSST ngày 19/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt Nguyễn Thị N 01 năm tù về tội “Đánh bạc”, phạt tiền 4.000.000đ. Ngày 25/6/2016 bị cáo thi hành xong hình phạt tù.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2020/HSST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”, ngày 10/01/2021 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/10/2018 đến ngày 21/10/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (*có mặt*).

- *Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng nghị:* Trương Ngọc D, sinh năm 1984 (*có đơn xin vắng mặt*).

Nơi cư trú: Tổ 16, phường M, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Trần Ngọc L, Trần Thanh S: Ông Lê Anh Ngọc - Luật sư, Công ty luật TNHH Nam Bình, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (*có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị K O, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Tổ 16, phường M, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt*).

- *Những người làm chứng:*

1. Anh Bùi Minh Đ, sinh năm 1989 (*vắng mặt*);

Nơi cư trú: Tổ 12, phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1982 (*vắng mặt*);

Nơi cư trú: Tổ 5, phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1972 (*vắng mặt*);

Nơi cư trú: Tổ 4, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Những người chứng kiến:*

1. Ông Triệu Kim T, sinh năm 1964 - Nguyên Tổ phó tổ 16, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Tổ 16, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bà Bùi Thị G, sinh năm 1969 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Thôn 3, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Bà Nguyễn Thị H - Nguyên Phó Chủ tịch UBND phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt*).

- *Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang:*

1. Ông Phạm Thanh T - Nguyên Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt*).

2. Ông Nguyễn Quang C - Điều tra viên (*vắng mặt*).

3. Ông Nguyễn Ngọc T - Điều tra viên (*vắng mặt*).

4. Ông Nguyễn Đức A - Cán bộ điều tra (*vắng mặt*).

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang: Ông Phạm Mạnh C (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi Đánh bạc: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 11/10/2018, Trần Ngọc L, Nguyễn Xuân T, Cao Văn M từ quán cà phê Lâm, thuộc tổ 32, phường T, thành phố Tuyên Quang về nhà L ngồi chơi. Sau đó có Lê Công T, Nguyễn Duy T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị T, đến nhà L. Lúc này L, T, T, H, N, M lên tầng 2 nhà L ngồi đánh ba cây bằng bộ bài tú lơ khơ. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Trương Ngọc D, Trần Văn N, Cao Duy K, Bùi Minh Đ, Trần Thanh S, Nguyễn Thị N (vợ của Trần Thanh S), cũng đến nhà L. Tất cả cùng nhau lên tầng 2 nhà L đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. L xuống bếp lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ; D nhặt 04 quân vị hình tròn, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba ở gần đó (có sẵn từ trước).

Hình thức đánh bạc: Người cầm cái lấy 04 quân vị hình tròn, một mặt màu vàng, một mặt màu trắng bằng vỏ bao thuốc lá Vinataba cho vào đĩa sứ, úp bát sứ vào, sóc cái đặt xuống chiếu, tất cả thống nhất, bên tay phải của người cầm cái là cửa chắn, bên tay trái của người cầm cái là cửa lẻ; mọi người đặt tiền vào cửa chắn hoặc cửa lẻ, mức tiền đặt cược thấp nhất là 100.000 đồng/ván, mức tiền đặt cược cao nhất tùy theo người đánh. Sau khi mọi người đặt tiền xong, người cầm cái mở bát ra nếu có 02 quân mặt vàng và 02 quân mặt trắng hoặc 4 quân đều mặt vàng, 04 quân đều mặt trắng được tính là chắn và ngược lại nếu 3 quân vàng, 01 quân trắng hoặc 03 quân trắng 01 quân vàng được tính là lẻ. Khi mở bát ra nếu là chắn thì người đặt tiền bên cửa chắn thắng, nếu là lẻ thì người đặt tiền cửa lẻ thắng và được trả tiền tương đương với số tiền mà người đánh đã đặt cửa.

Khi bắt đầu đánh bạc vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 11/10/2018, D được những người đánh bạc nhờ xóc cái để cho những người đánh bạc tự đặt cược với nhau. Đến khoảng 00 giờ ngày 12/10/2018, D không xóc cái nữa, chuyển cho L xóc cái, trực tiếp đánh bạc và chi trả tiền cho những người đánh bạc; riêng Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị N (vợ của Trần Thanh S) chỉ ngồi xem mà không tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc thì Đ, T, H, S, M, Nguyễn Thị N và Nguyễn Thị N, (vợ của Trần Thanh S) lần lượt ra về trước. Còn lại L, T, T, T, D, K và N, tiếp tục đánh bạc đến khoảng 03 giờ ngày 12/10/2018, thì bị Tổ công tác Công an thành phố Tuyên Quang, phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tạm giữ tổng số tiền là 44.870.000 đồng (trong đó của L 5.870.000 đồng; của K 2.500.000 đồng; của N 2.000.000 đồng; của T 9.500.000 đồng; của T 5.000.000 đồng; của T 20.000.000 đồng).

Hồi 05 giờ 30 phút ngày 12/10/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, tiến hành lập biên bản khám xét khẩn cấp nhà ở của L tạm giữ tại tầng 2 gồm: 01 bát sứ màu trắng, đường kính 11,2 cm; 01 đĩa sứ màu

trắng, đường kính 17,1 cm; 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba; 01 chiếu nhựa; 32 quân cờ tướng bằng nhựa; 01 bàn cờ tướng bằng gỗ; 01 xe mô tô nhãn hiệu FLOWER, biển kiểm soát 22H3 - 5390; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Biển kiểm soát 22B2 - 220.03; số tiền 19.846.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 13.070.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Trần Ngọc L có 3.770.000 đồng + tiền hồ thu được là 1.100.000 đồng = 4.870.000 đồng sử dụng hết vào việc đánh bạc, thắng bạc 1.000.000 đồng, khi bị phát hiện tạm giữ 5.870.000 đồng.

2. Trần Thanh S có 2.200.000 đồng, đã nộp tiền hồ 200.000 đồng; còn lại 2.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc và bị thua hết.

3. Cao Duy K có 2.000.000 đồng, đã nộp tiền hồ 100.000 đồng; còn lại 1.900.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, thắng 600.000 đồng, khi bị phát hiện tạm giữ 2.500.000 đồng.

4. Trần Văn N (Trần Phú N) có 1.500.000 đồng, đã nộp tiền hồ 100.000 đồng; còn lại 1.400.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, thắng 600.000 đồng, khi bị phát hiện tạm giữ 2.000.000 đồng.

5. Lê Công T có 9.500.000 đồng, đã nộp tiền hồ 100.000 đồng và sử dụng 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc, không thắng, không thua, khi bị phát hiện tạm giữ 9.500.000 đồng.

6. Nguyễn Duy T có 20.000.000 đồng, đã nộp tiền hồ 100.000 đồng và sử dụng 900.000 đồng vào việc đánh bạc, thắng 100.000 đồng, khi bị phát hiện tạm giữ 20.000.000 đồng.

7. Nguyễn Xuân T có 5.000.000 đồng, đã nộp tiền hồ 100.000 đồng và sử dụng 5.000.000 đồng vào việc đánh bạc, không thắng, không thua, khi bị phát hiện tạm giữ 5.000.000 đồng.

8. Cao Văn M có 400.000 đồng, đã nộp tiền hồ 100.000 đồng; còn lại 300.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, thua 100.000 đồng.

9. Nguyễn Thị N có 200.000 đồng, đã nộp tiền hồ 100.000 đồng; còn lại 100.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc và bị thua hết.

10. Nguyễn Thị Thu H sử dụng 100.000 đồng vào việc đánh bạc và bị thua hết.

11. Trương Ngọc D không có tiền để sử dụng vào đánh bạc, nhưng là người xóc cái, giúp sức cho các đồng phạm khác thực hiện hành vi đánh bạc.

Về hành vi Gá bạc: Khoảng 22 giờ 30 ngày 11/10/2018, trước khi cho các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc tại tầng 2 nhà ở của mình, Trần Ngọc L đã thu tiền hồ của M, T, T, T, K, N, Đ, H, N mỗi người 100.000 đồng; thu của S 200.000 đồng. Tổng số tiền hồ L thu được là 1.100.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang, tạm giữ: 01 bát sứ màu trắng, đường kính 11,2 cm; 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 17,1 cm; 04 quân vị hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba; 01 chiếu nhựa, là vật chứng của vụ án. Tạm giữ 32 quân cờ tướng bằng nhựa; 01 bàn cờ tướng bằng gỗ; 01 xe mô tô nhãn hiệu FLOWER, Biển kiểm soát 22H3- 5390;

01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Biển kiểm soát 22B2-220.03 ngày 13/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu FLOWER, Biển kiểm soát 22H3-5390 cho Trần Văn N (Trần Phú N); trả chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, Biển kiểm soát 22B2-220.03 cho Nguyễn Xuân T. Tạm giữ tổng số tiền khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và khám xét khẩn cấp là 64.716.000 đồng; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã chuyển vào tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang mở tại kho bạc Nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HS-ST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thanh S, Cao Duy K, Trần Văn N (Trần Phú N), Lê Công T, Nguyễn Duy T, Nguyễn Xuân T, Cao Văn M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu H và Trương Ngọc D phạm tội “*Đánh bạc*”. Bị cáo Trần Ngọc L phạm tội “*Gá bạc*”.

- Căn cứ: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm b khoản 1 Điều 322; Điều 17; Điều 38; khoản 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc L 07 (Bảy) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”; 01 (Một) năm tù về tội “*Gá bạc*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Ngọc L phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 tội là 01 (Một) năm 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018.

- Căn cứ: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị N);

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh S 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N (Trần Phú N) 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018.

Xử phạt: Bị cáo Lê Công T 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 18/10/2018 đến ngày 21/10/2018.

- Căn cứ: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Cao Duy K 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018.

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn M 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2019 đến ngày 25/02/2019.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018.

Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thanh S, Trần Văn N (Trần Phú N), Lê Công T, Nguyễn Duy T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị N, Cao Duy K, Cao Văn M, Nguyễn Xuân T.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trương Ngọc D 06 (Sáu) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 01 (Một) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 08/3/2021.

Giao bị cáo Trương Ngọc D cho Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 10 tháng 3 năm 2021, các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thanh S, Trần Văn N (Trần Phú N), Lê Công T, Nguyễn Duy T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Xuân T có đơn kháng cáo. Bị cáo Trần Ngọc L trình bày: khi cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đến nhà thì bị cáo và anh Thế đang đánh cờ, một số người khác xem và ngủ, cửa nhà bị cáo mở, bị cáo không đánh bạc; bị cáo Nguyễn Xuân T trình bày: khi cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đến nhà anh Trần Ngọc L thì bị cáo đang đánh cờ với anh Trần Ngọc L, không đánh bạc; các bị cáo Lê Công T, Trần Văn N, Nguyễn Duy T đều trình bày: Khi cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố đến nhà anh Trần Ngọc L thì các bị cáo đang ngủ và bị Công an gọi dậy chứ không đánh bạc; các bị cáo Trần Thanh S, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu H đều trình bày: khi cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đến nhà anh Trần Ngọc L thì các bị cáo không có mặt tại nhà anh Trần Ngọc L, không đánh bạc; Ngày 12/3/2021 bị cáo Cao Duy K có đơn kháng cáo với nội dung bị cáo bị oan sai. Ngày 15/3/2021 bị cáo Cao Văn M có đơn kháng cáo với nội dung: bị cáo không có mặt tại nhà ông L tại thời điểm xảy ra vụ việc;

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thanh S, Nguyễn Duy T, Lê Công T, Nguyễn Xuân T, Trần Văn N (Trần Phú N), Nguyễn Thị N, Cao Duy K, Nguyễn Thị Thu H đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Các bị cáo đều thừa nhận việc cơ quan điều tra lập biên bản quả tang là đúng sự việc; các bản tự khai đều do các bị cáo tự nguyện viết, các biên bản ghi lời khai, biên

hỏi cung ban đầu trước khi bị truy tố là đúng, khách quan, hành vi của các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, không oan. Lý do tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội là do các bị cáo không hiểu biết pháp luật, nay đã nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, mong Hội đồng xét xử phúc thẩm cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Các bị cáo Trần Ngọc L, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị N tự nguyện xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo; các bị cáo Trần Thanh S, Cao Duy K thay đổi nội dung kháng cáo sang xin giảm hình phạt; các bị cáo Nguyễn Duy T, Lê Công T, Trần Văn N, Nguyễn Thị Thu H thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Bị cáo Cao Duy Mạnh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật; đơn kháng cáo của các bị cáo hợp lệ trong hạn luật định.

- Về nội dung kháng cáo của các bị cáo, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan các tình tiết, nội dung của vụ án và xử phạt các bị cáo về tội Đánh bạc, xử phạt bị cáo Trần Ngọc L về tội Gá bạc và Đánh bạc là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Qua phần tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thanh S, Lê Công T, Nguyễn Duy T, Cao Duy K, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo phù hợp với quá trình điều tra trước khi truy tố, các bị cáo khẳng định có được đánh bạc tại nhà bị cáo L và bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là đúng, không oan sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Trần Ngọc L, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị N xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 342, Điều 348, điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với 03 bị cáo trên.

Các bị cáo Trần Thanh S, Cao Duy K thay đổi nội dung kháng sang xin giảm hình phạt; các bị cáo Nguyễn Duy T, Lê Công T, Trần Văn N, Nguyễn Thị Thu H thay đổi nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét nội dung thay đổi kháng cáo của các bị cáo trên thấy rằng: Các bị cáo đã tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đã thành khẩn khai nhận toàn bộ sự việc phạm tội, các bị cáo Trần Thanh S, Nguyễn Duy T, Lê Công T, Trần Văn N, Nguyễn Thị Thu H xuất trình tình tiết mới đã nộp tiền phạt và án phí Hình sự sơ thẩm, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần xem xét cho các bị cáo. Xét các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn, đồng phạm với vai trò không đáng kể, do đó để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm một phần hình phạt cho bị cáo Trần Thanh S và Cao Duy K. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng

giữ nguyên hình phạt và cho các bị cáo Nguyễn Duy T, Lê Công T, Trần Văn N, Nguyễn Thị Thu H được hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo.

Đối với bị cáo Cao Văn M (có đơn xin xét xử vắng mặt), đơn kháng cáo của bị cáo cho rằng bị cáo không có mặt tại nhà bị cáo L tại thời điểm xảy ra sự việc. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo có mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã thừa nhận hành vi phạm tội và khẳng định đêm ngày 11, rạng sáng ngày 12/10/2018 bị cáo Mạnh có mặt tham gia đánh bạc cùng các bị cáo tại nhà bị cáo L, như vậy kháng cáo của bị cáo Mạnh là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Cao Văn M.

Đề nghị Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh S 06 (Sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Cao Duy K 06 (Sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018.

Phạt tiền bị cáo Khánh 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn M 07 (Bảy) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 11/01/2019 đến ngày 25/02/2019.

Phạt tiền bị cáo Mạnh 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Lê Công T 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N (Trần Phú N) 07 (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Lê Công T, Nguyễn Duy T, Trần Văn N, Nguyễn Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân xã, phường nơi các bị cáo cư trú, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Các bị cáo Trần Ngọc L, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị N, Trần Thanh S, Cao Văn Khánh, Nguyễn Duy T, Lê Công T, Trần Văn N, Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án hình phạt hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận các bị cáo Trần Thanh S, Lê Công T, Trần Văn N, Nguyễn Thị Thu H đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt. Bị cáo Nguyễn Duy T đã nộp xong khoản tiền phạt. Bị cáo Cao Văn M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thanh S trình bày luận cứ bào chữa: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là không oan, sai. Mặc dù bị cáo L đã tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo, bị cáo S xin giảm hình phạt, xong thông qua hồ sơ vụ án này luật sư cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để rút kinh nghiệm với các cơ quan tiến hành tố tụng trong tỉnh Tuyên Quang, nhất là đối với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang cần thực hiện nghiêm túc và đúng đắn các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự trong việc lập biên bản khám xét, biên bản bắt người phạm tội quả tang để đánh giá hành vi phạm tội của các bị cáo, mặt khác nhằm tránh vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng có thể dẫn đến oan sai trong các vụ án khác.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo Trần Thanh S, Cao Duy K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo Nguyễn Duy T, Lê Công T, Trần Văn N, Nguyễn Thị Thu H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thanh S, Nguyễn Xuân T, Trần Văn N (Trần Phú N), Nguyễn Thị N, Cao Duy K, Lê Công T, Nguyễn Duy T, Nguyễn Thị Thu H đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Sau khi được Hội đồng xét xử trình chiếu các lời khai, bản tự khai, biên bản hỏi cung thể hiện tại các bút lục trong hồ sơ, cụ thể: của bị cáo Lê Công T (BL 360 đến 378); của bị cáo Trần Ngọc L (BL 379 đến 402a); của bị cáo Nguyễn Duy T (BL 403 đến 418); của bị cáo Nguyễn Xuân T (BL 419 đến 441); của bị cáo Cao Duy K (BL 442 đến 464); của bị cáo Trần Văn N (BL 465 đến 487b); của bị cáo Trương Ngọc D (BL 488 đến 503b); của bị cáo Trần Thanh S (BL 504 đến 513); của bị cáo Nguyễn Thị Thu H (BL 514 đến 524); của bị cáo Nguyễn Thị N (BL 525 đến 537); của bị cáo Cao Văn M (BL 539 đến 548). Biên bản đầu thú của bị cáo Nguyễn Thị N (BL 262, 263); lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị N (vợ bị cáo Trần Thanh S BL 339), chị Nguyễn Thị T (BL 348, 349); các biên bản đối chất giữa các bị cáo L, K, N, T, T, N với người làm chứng anh Bùi Minh Đ; lời khai của bị cáo Trương Ngọc D tại các phiên tòa sơ thẩm và sau khi trả hồ sơ

điều tra bổ sung (BL 1113 đến 1116) đều khai nhận có xóc đĩa hộ các bị cáo khác đánh bạc tại nhà bị cáo L; đặc biệt lời khai của bị cáo Cao Văn M tại biên bản hỏi cung ngày 12/12/2019 (BL1150 đến 1153) có sự tham gia của kiểm sát viên và người chứng kiến, bị cáo khai nhận có đánh bạc tại nhà bị cáo L, những người chơi đều phải nộp tiền hồ cho bị cáo L 100.000đ và nêu rõ “sau khi nhận được Cáo trạng của Viện kiểm sát, các anh L, T, T, K,...và tôi có gặp nói chuyện với nhau, tất cả đều bàn nhau khi ra Tòa không thừa nhận việc đánh bạc”.

Ngoài ra, tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01 đến 04) lập hồi 3 giờ 30 phút ngày 12/10/2018, các bị cáo Trần Ngọc L, Cao Duy K, Trần Văn N (Trần Phú N) đã trình bày: Vào khoảng 23 giờ 00 phút ngày 11/10/2018 các bị cáo cùng nhau đánh bạc bằng hình thức chơi xóc đĩa được thua bằng tiền Việt Nam đồng, bị cáo L là người xóc cái, thu tiền hồ của những người chơi. Biên bản khám xét (BL 17, 18) lập hồi 05 giờ 30 phút ghi nhận tại tầng 02 nhà bị cáo Trần Ngọc L, cơ quan điều tra thu giữ 32 quân cờ tướng, 01 bàn cờ tướng, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn và 01 chiếu nhựa. Các bị cáo tự nguyện giao nộp tiền khai là sử dụng để đánh bạc nên đây là chứng cứ có giá trị chứng minh cho hành vi phạm tội của các bị cáo; hành vi phạm tội quả tang của các bị cáo là có thật, ngoài việc các bị cáo đã ký xác nhận vào từng trang của Biên bản bắt người phạm tội quả tang để khẳng định nội dung biên bản là đúng, còn có sự chứng kiến của ông Triệu Kim T, ông Đỗ Mạnh H là đại diện chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thừa nhận hành vi đánh bạc tại nhà bị cáo L vào đêm ngày 11, rạng sáng ngày 12/10/2018 và bị công an lập biên bản quả tang là đúng sự việc, các bị cáo thừa nhận các bản tự khai do chính các bị cáo tự viết, các biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung ban đầu trước khi truy tố là hoàn toàn đúng, khách quan, không bị ai ép buộc. Các bị cáo thừa nhận Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội Đánh bạc, bị cáo L bị xét xử về 2 tội: Gá bạc và Đánh bạc là đúng, không oan, sai.

Như vậy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn phù hợp với quá trình điều tra ban đầu đối với hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với các chứng cứ khách quan khác và đúng bản chất sự việc.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 30 phút ngày 11/10/2018 đến 03 giờ 00 phút ngày 12/10/2018, tại nhà ở của Trần Ngọc L, thuộc tổ 16, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trần Ngọc L, Trần Thanh S, Cao Duy K, Trần Văn N, Lê Công T, Nguyễn Duy T, Nguyễn Xuân T, Cao Văn M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu H và Trương Ngọc D, đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là **13.070.000 đồng** (Mười ba triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng). Bị cáo Trần Ngọc L đã thu tiền hồ của Ma, T, T, T, K, N, Đ, H, N mỗi người 100.000 đồng; thu của S 200.000 đồng. Tổng số tiền hồ L thu được là 1.100.000 đồng.

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện, khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo Trần Ngọc L, Trần Thanh S, Cao Duy K, Trần Văn N, Lê Công

T, Nguyễn Duy T, Nguyễn Xuân T, Cao Văn M, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu H và Trương Ngọc D về tội Đánh bạc, xử phạt bị cáo Trần Ngọc L về tội Gá bạc là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, việc tham gia đánh bạc với mục đích sát phạt nhau để kiếm lời của các bị cáo đã xâm phạm đến an ninh trật tự tại địa phương, không những gây ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế của gia đình các bị cáo mà còn là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác. Do đó cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Tại cấp phúc thẩm: Các bị cáo Trần Ngọc L, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị N đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, do vậy Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo trên.

Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thanh S và Cao Duy K về việc xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Nguyễn Duy T, Lê Công T, Trần Văn N, Nguyễn Thị Thu H về xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo đã tỏ rõ sự thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, các bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí hình sự sơ thẩm (trừ bị cáo Khánh) điều đó thể hiện sự ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Xét các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền tham gia đánh bạc không lớn, đồng phạm với vai trò không đáng kể, do vậy để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, nên cần xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

Đối với bị cáo Cao Văn M (có đơn xin xét xử vắng mặt), đơn kháng cáo của bị cáo cho rằng bị cáo không có mặt tại nhà bị cáo L tại thời điểm xảy ra sự việc. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của các bị cáo có mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã thừa nhận hành vi phạm tội và khẳng định đêm ngày 11, rạng sáng ngày 12/10/2018 bị cáo Mạnh có mặt tham gia đánh bạc cùng các bị cáo tại nhà bị cáo L, như vậy kháng cáo của bị cáo Mạnh là không có căn cứ, do vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo Cao Văn M.

[3] Đối với luận cứ bào chữa của Luật sư, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã trả lại hồ sơ nhiều lần để khắc phục các thiếu sót và làm rõ thêm hành vi phạm tội của các bị cáo, tuy các thiếu sót luật sư chỉ ra không làm thay đổi nội dung, bản chất của vụ án nhưng cũng cần tiếp thu ý kiến của Luật sư để rút kinh nghiệm.

[4] Các bị cáo Trần Ngọc L, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị N, Trần Thanh S, Cao Văn Khánh, Nguyễn Duy T, Lê Công T, Trần Văn N, Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án hình phạt hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận các bị cáo Trần Thanh S, Lê Công T, Trần Văn N, Nguyễn Thị Thu H đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt. Bị cáo Nguyễn Duy T đã

nộp xong khoản tiền phạt. Bị cáo Cao Văn M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342, Điều 348, điểm d khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo: Trần Ngọc L, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị N. Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HSST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang có hiệu lực pháp luật đối với các bị cáo Trần Ngọc L, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị N kể từ ngày 30/3/2022.

2. Căn cứ Điều 351; điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cao Văn M, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HSST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang về phần hình phạt như sau:

- Căn cứ: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Cao Văn M 07 (Bảy) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2019 đến ngày 25/02/2019.

Phạt tiền bị cáo Mạnh 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thanh S, Cao Duy K, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HSST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang về phần hình phạt như sau:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh S **06** (Sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Cao Duy K **06** (Sáu) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ từ ngày 12/10/2018 đến ngày 20/10/2018.

Phạt tiền bị cáo Khánh 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Công T, Nguyễn Duy T, Trần Văn N (Trần Phú N), Nguyễn Thị Thu H, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2021/HSST ngày 08/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang về phần hình phạt như sau:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Công T **07** (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (30/3/2022).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy T **07** (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (30/3/2022).

Giao bị cáo Lê Công T và Nguyễn Duy T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn N (Trần Phú N) **07** (Bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (30/3/2022).

Giao bị cáo Trần Văn N (Trần Phú N) cho Ủy ban nhân dân phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H **06** (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời gian thử thách 01 (Một) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (30/3/2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Trong thời gian thử thách của án treo nếu các bị cáo Lê Công T, Nguyễn Duy T, Trần Văn N (Trần Phú N), Nguyễn Thị Thu H có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

5. Về án phí: Các bị cáo Trần Ngọc L, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Thị N, Trần Thanh S, Cao Văn Khánh, Nguyễn Duy T, Lê Công T, Trần Văn N (Trần Phú N), Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án hình phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Lê Công T, Trần Thanh S, Trần Văn N (Trần Phú N) đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt, thể hiện tại biên lai số 0000041 của bị cáo H và biên lai số 0000042 của bị cáo T cùng ngày 09/3/2022; biên lai số 0000046 của bị cáo S và biên lai số 0000047 của bị cáo N cùng ngày 29/3/2022; bị cáo Nguyễn Duy T đã nộp xong khoản tiền phạt thể hiện tại biên lai số 0002353 ngày 23/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang.

Bị cáo Cao Văn M phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/3/2022)./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- CQCSĐT Công an thành phố Tuyên Quang;
- Chi cục THADS thành phố Tuyên Quang;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Hồ Thanh Sơn

